TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Phước
Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh M, sinh ngày 01/01/1958. Số định danh: 09415811568; Nơi thường trú: số 310/3, đường L, phường P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đắc T, sinh ngày 13/7/1962. Số định danh: 094062001532. Địa chỉ: số 310/3, đường L, phường P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2025 và đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải ngày 12/12/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/01/2026:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1985, bà M và ông Nguyễn Đắc T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban Nhân dân Phường 3, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang vào ngày 16/12/1985. Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và có ba con chung: Nguyễn Thị Phương Nga, sinh ngày 28/11/1986 (nữ); Nguyễn Đắc Nhựt, sinh ngày 23/10/1989 (nam); Nguyễn Thị Phương Anh, sinh ngày 20/12/2000 (nữ). Về tài sản chung: ông bà có tạo lập tài sản chung nhưng tự thỏa thuận. Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà. Thời gian về sau khoảng năm 2024, ông bà không

quan tâm chăm sóc với nhau, bà M và ông Thắng tự nguyện sống riêng.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đắc T.

Về con chung: Đối với các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Trần Thanh M đã nộp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Phương Nga; Nguyễn Đắc Nhựt; Nguyễn Thị Phương Anh (bản sao); Căn cước công dân có tên Trần Thanh M chứng thực bản sao.

- Bị đơn ông Nguyễn Đắc T từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử xác định ông Nguyễn Đắc T được cấp tống đạt hợp lệ, nhưng không có ý kiến gì.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Đắc T không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Trần Thanh M đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thanh M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Đắc T và ông Nguyễn Đắc T cư trú tại Phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là *Ly hôn* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Đối với nguyên đơn bà Trần Thanh M đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Đắc T là bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm a,b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thanh M, ông Nguyễn Đắc T.

[3] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Bà Trần Thanh M cung cấp và ông Nguyễn Đắc T không phản đối căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử xác định:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh M và ông Nguyễn Đắc T xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường 3, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang vào ngày

16/12/1985 nên hôn nhân ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 6, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959.

[5] Về yêu cầu ly hôn của Bà Trần Thanh M: Sau thời gian chung sống thì bà M, ông Thắng phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông Thắng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Đối với ba con chung: Nguyễn Thị Phương Nga, sinh ngày 28/11/1986 (nữ); Nguyễn Đắc Nhựt, sinh ngày 23/10/1989 (nam); Nguyễn Thị Phương Anh, sinh ngày 20/12/2000 (nữ) đã trên 18 tuổi đều có khả năng lao động tự nuôi sống mình, bà Trần Thanh M không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Cần Thơ phát biểu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thanh M:

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh M được ly hôn với Ông Nguyễn Đắc T.

1.2/. Về con chung: Đối với các con chung: Nguyễn Thị Phương Nga, sinh ngày 28/11/1986 (nữ); Nguyễn Đắc Nhựt, sinh ngày 23/10/1989 (nam); Nguyễn Thị Phương Anh, sinh ngày 20/12/2000 (nữ) đã trên 18 tuổi đều có khả năng lao động tự nuôi sống mình, bà Trần Thanh M không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3/. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, không phát sinh tranh chấp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thanh M phải chịu 300.000 đồng (án phí ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008662 ngày 05/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5-Cần Thơ. Bà Trần Thanh M đã thực hiện xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án cấp tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND Phường Phú Lợi, TPCT;
- VKSND KV5-CT;
- Phòng THA DS KV5-CT;
- TAND TPCT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Văn Như